TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2023

Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thương

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Cao Quốc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023; về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phan Văn L, sinh năm 1963;

2. *Bị đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1965;

Cùng nơi cư trú: Số A, đường P, tổ F, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Anh Phan Văn L, chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ) huyện Đ. Sau khi kết hôn anh L, chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã cố gắng thay đổi, nhưng không có kết quả. Hiện nay anh L, chị N không còn sống chung, anh L không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Chị Phạm Thị N, anh Phan Văn L là vợ chồng, kết hôn vào năm 1987 tại xã Đ (nay là thị trấn Đ) huyện Đ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thỉnh thoảng chị N, anh L xảy ra cải vả, ghen tuông, nghi ngờ nhau. Bản thân anh L thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Mặc dù hai bên gia đình và chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả. Trước đây chị N cũng từng làm đơn ly hôn nhưng vì thương con và muốn giữ dìn hạnh phúc gia đình nên đã rút đơn. Hiện nay chị N cũng không còn tình cảm với anh L và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh L, nên đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chị N muốn giải quyết xong việc chia tài sản chung mới đồng ý ký đơn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh L được ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Phạm Thị N có nơi cư trú tại huyện Đ nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Phan Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Phạm Thị N nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Anh Phan Văn L, chị Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 27/3/1987, số vào sổ 65/27/03/1987, quyển số 02 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện Đ đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh L, chị N chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên thỉnh thoảng vợ chồng xảy ra cải vả. Mặc dù cả hại đã tự đồng viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, nhưng không có kết quả. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh L không còn tình cảm với chị N nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình làm việc chị N thừa nhận cuộc sống vợ chồng thời gian qua có nảy sinh mâu thuẫn. Cả hai đã khuyên bảo, động viên để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả. Hiện nay chị N không còn tình cảm, không muốn sống chung với anh L nên cũng đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do để chị N không đồng ý ký ly hôn là vì

chị N, anh L đang trong quá trình tự giải quyết tài sản chung. Tuy nhiên, trong vụ án các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, trong trường hợp sau khi ly hôn các bên không tự giải quyết được thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L, chị N đã kéo dài và trầm trọng, hiện nay cả hai đều không còn tình cảm gì với nhau do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn.

Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho anh L được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Phan Văn L phải chịu án phí ly hôn.

[6] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018 và 2020; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Văn L được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 27/3/1987, số vào sổ 65/27/03/1987, quyển số 02 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là thị trấn Đ), huyện Đ hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Anh Phan Văn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số 0015068 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự văng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường